



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO KỸ NĂNG VÀ NGOẠI NGỮ ES  
(ENGLISH SPEAKER CENTER)

Let's make the world  
a better place

The more people we help – The more successful we are

Teacher: Ms. Jenny

Content: Grade 8: Unit 7 / Vocabulary & Grammar

## UNIT 7: POLLUTION

### A. VOCABULARY

1. affect (v)	/ə'fekt/:	làm ảnh hưởng
2. algae (n)	/'ældʒi:/:	tảo
3. aquatic (adj)	/ə'kwætɪk/:	dưới nước
4. billboard (n)	/'bɪlbɔ:d/:	biển quảng cáo ngoài trời
5. blood pressure (n)	/blʌd 'preʃə/:	huyết áp
6. cause (n,v)	/kɔ:z/:	nguyên nhân, gây ra
7. cholera (n)	/'kɒlərə/:	bệnh tả
8. come up with (v)	/kʌm ʌp wɪð/:	nghĩ ra
9. contaminate (v)	/'kən'tæmɪneɪt/:	làm bẩn
10. contaminant (n)	/'kən'tæmɪnənt/:	chất gây bẩn
11. dump (v)	/dʌmp/:	vứt, bỏ
12. earplug (n)	/'iəplʌg/:	cái nút tai
13. effect (n)	/'i'fekt/:	kết quả
14. fine (v)	/'faɪn/:	phạt tiền
15. float (v)	/'fəʊt/:	nổi
16. groundwater (n)	/'graʊndwɔ:tə/:	nước ngầm
17. hearing loss (n)	/'hiəriŋ lɒs/:	mất thính lực
18. illustrate (v)	/'ɪləstreɪt/:	minh họa
19. litter (n, v)	/'lɪtə/:	rác vụn (mẩu giấy, vỏ lon...), vứt rác
20. measure (v)	/'meʒə/:	đo
21. non-point source pollution (n)	/'nɒn-pɔɪnt sɔ:s pə'lu:ʃn/:	ô nhiễm không nguồn (nguồn phân tán)
22. permanent (adj)	/'pɜ:mənənt/:	vĩnh viễn
23. point source pollution (n)	/'pɔɪnt sɔ:s pə'lu:ʃn/:	ô nhiễm có nguồn
24. poison (n, v)	/'pɔɪzn/:	chất độc, làm nhiễm độc
25. pollutant (n)	/'pɒ'lju:tənt/:	chất gây ô nhiễm
26. radioactive (adj)	/'reɪdɪəʊ'æktɪv/:	thuộc về phóng xạ
27. radiation (n)	/'reɪdɪ'eɪʃn/:	phóng xạ
28. thermal (adj)	/'θɜ:ml/:	thuộc về nhiệt
29. untreated (adj)	/'ʌn'tri:tɪd/:	không được xử lý
30. visual (adj)	/'vɪʒuəl/:	thuộc về thị giác

## B. GRAMMAR

### 1. ĐỊNH NGHĨA CÂU ĐIỀU KIỆN.

Định nghĩa	Ví dụ
Câu điều kiện gồm có hai phần: mệnh đề chỉ điều kiện (if-clause) và mệnh đề chỉ kết quả (result clause)	If the weather is fine, I will go camping with my friends tomorrow. (Nếu thời tiết đẹp thì ngày mai tôi đi sẽ đi cắm trại với bạn của tôi.) -> "If the weather is fine" là mệnh đề chỉ điều kiện: "I will go camping with my friends tomorrow" là mệnh đề chỉ kết quả (mệnh đề chính)
Mệnh đề IF và mệnh đề chính có thể đứng trước hay sau đều được.	I will go camping with my friends tomorrow if the weather is fine.

### 2. ÔN TẬP CÂU ĐIỀU KIỆN LOẠI 1 (CONDITIONAL SENTENCES TYPE 1)

<b>Chức năng</b>	Dùng để diễn tả điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.
<b>Cấu trúc</b>	If + S + V <sub>(s/es)</sub> + (bổ ngữ) S will + V <sub>nguyên mẫu</sub> + (bổ ngữ) (thì hiện tại đơn) (thì tương lai đơn) -> Mệnh đề IF dùng thì hiện tại đơn, mệnh đề chính dùng thì tương lai.
<b>Ví dụ</b>	If I have enough money, I will buy a new computer. (Nếu tôi có đủ tiền thì tôi sẽ mua một chiếc máy tính mới.) - If you work hard, you will make a lot of money. (Nếu bạn làm việc chăm chỉ thì bạn sẽ kiếm được nhiều tiền.)
<b>Lưu ý</b>	Unless= If not If= Unless + not Ví dụ: - If he doesn't do his homework, his mother will complain. -> Unless he does homework, his mother will complain. - If you don't send to the hospital, she will die. -> Unless you send her to the hospital, she will die. Có thể dùng các động từ must, have to, can, may, should thay cho will trong mệnh đề chính. Ví dụ: If it rains heavily, you can stay here. (Nếu trời mưa bạn có thể ở lại đây.) - If you want to see that film, you must buy a ticket. (Nếu bạn muốn xem bộ phim đó thì bạn phải mua vé.)

## C. BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

### Bài 1. Khoanh tròn phương án đúng để hoàn thành các câu sau.

1. If the weather is fine, we (goes/ will go) camping tomorrow.
2. My parents will give me a gift if I (will pass/ pass) the final exam.
3. If you are polite to others, they (will be/ are nice to you).
4. Unless James (studies/ will study) hard, he will fail the exam.
5. My parents won't allow me to go out if I (don't finish/ won't finish) my homework.
6. If the cable TV (doesn't/ won't) work, we will rent a DVD.
7. If you don't want to stay at home, you (go/ can go) with me to the supermarket.
8. If you (will be/ are) a good listener, you will gain many friends.

9. James won't attend the meeting if he (won't/doesn't) want to.
10. You can't have this job unless you (have/will have) long working experience.
11. What (you will do/ will you do) if it snows tomorrow?
12. You (will be/ are) able to understand it you practice every day.
13. We will eat out today if there (will be/ is) nothing left in the fridge.
14. If it (will be/ is) too cold outside, we will stay home.
15. If she (isn't/ won't) careful, she will make many mistakes.

**Bài 2. Hoàn thành các câu sau sử dụng dạng đúng của động từ trong ngoặc.**

1. The manager (be) \_\_\_\_\_ very angry if I am late for work.
2. You will have to work very hard if you (take) \_\_\_\_\_ this course.
3. I (go) \_\_\_\_\_ to see the doctor if I don't feel well tomorrow.
4. They can't hear you unless you (speak) \_\_\_\_\_ louder.
5. If Peter (forget) \_\_\_\_\_ to write his essay, the teacher (give) \_\_\_\_\_ him a low mark.
6. If they (win) \_\_\_\_\_ this match, they will ne the champions.
7. We (have) \_\_\_\_\_ plenty of time if we (arrive) \_\_\_\_\_ there early.
8. The zookeeper (punish) \_\_\_\_\_ you if you (feed) \_\_\_\_\_ the animal.
9. What \_\_\_\_\_ (Jane/ say) if Jim (tell) \_\_\_\_\_ her the truth.
10. The boys (shiver) \_\_\_\_\_ with cold if they (swim) \_\_\_\_\_ in this lake.
11. The door (not lock) \_\_\_\_\_ - unless you (press) \_\_\_\_\_ the green button.
12. Jim won't be late if he (take) \_\_\_\_\_ the bus at 6 o'clock .
13. Mary isn't home, but if you (want) \_\_\_\_\_ to leave her a message, I (give) \_\_\_\_\_ it to her.
14. If jack (clean) \_\_\_\_\_ the floor, I (do) \_\_\_\_\_ the washing.
15. the children (be) \_\_\_\_\_ happy if you (give) \_\_\_\_\_ them some sweets.

**Bài 3. Nối cột A với cột B để tạo thành câu hoàn chỉnh.**

A	B
1. If people keep dumping rubbish into the lake,	a. the groundwater will be poisoned.
2. If the farmers overuse pesticide,	b. if our surrounding environment is polluted
3. Soil erosion won't happen in an area,	c. they will disappear in the future.
4. if we don't conserve the rainforests,	d. unless we join hands to protect it.
5. Our health will be badly affected	e. the aquatic life will be afflicted.
6. Our environment will be damaged	f. floods will be more and more severe.
7. Is we don't protect the frontier forests,	g. if people use more public transportation.
8. The amount of carbon dioxide in the atmosphere will be reduced	h. if people practice sustainable agricultural mad use.

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_
4. \_\_\_\_\_
5. \_\_\_\_\_
6. \_\_\_\_\_
7. \_\_\_\_\_
8. \_\_\_\_\_